

Răng Để Mất Huế Của Em?

Giang Văn Nhân, D22

Rời nhà thăm nuôi, Thảo lững thững trở về trại, tay đong khát, thèm muốn. Họ là các quân nhân VNCH ngày trước, bị bắt tại mặt trận. Cộng Sản đã tập trung họ vào các trại tù, phải làm việc khổ sai, với lượng thực phẩm dưới mức căn bản tối thiểu cho người tù. Huống chi họ phải làm việc nặng, nếu chẳng may bị bệnh họ dễ tìm nơi yên nghỉ vĩnh viễn vì không có thuốc chữa trị.

Được thăm nuôi bất chợt, lòng Thảo rộn rã niềm vui xen lẫn xót xa không sao diễn tả được. Vài bánh đường mật sẫm màu hình cái chén, dăm gói bột gạo lúc Bích Chi, chai dầu trầm..., cả một hy sinh to lớn của thân nhân vào thời gian đó. Vào thời gian này, lần đầu tiên Cộng Sản ra lệnh đổi tiền, mỗi gia đình chỉ đổi tối đa 200 đồng miền Bắc Cộng Sản, số tiền VNCH còn lại chỉ là giấy vụn.

Thảo được bổ sung về một tiểu đoàn TQLC đang hành quân tại Bình Định Qui Nhơn, rồi về bảo vệ Sài Gòn Tết Mậu Thân 1968, sau đó hiện diện ở đồng bằng sông Cửu Long. Theo đơn vị, Thảo có lúc lên đỉnh trên sóng nước dững mãinh tiến lên bờ, khi bay bổng giữa trời cao hùng hổ tràn mặt đất. Bạn bè, đồng đội, lần lượt người cũ già từ ra đi, người mới bổ

sung thay thế.

Cuối tháng 3 năm 1972, Cộng Sản Bắc Việt vượt vĩ tuyến 17 tấn công Gio Linh, Cam Lộ, nhưng chúng bị thảm hại tại Đông Hà. Đầu tháng 5 năm 1972, Chuẩn Tướng Tư Lệnh SD3/BB vùng hoả tuyến bắt thần triệt thoái, tỉnh Quảng Trị bỏ ngõ, các đơn vị VNCH lui về phòng tuyến Mỹ Chánh. Ròng rã hơn 4 tháng với biết bao xương máu của chiến sĩ QLVNCH trải đường để phản công, cuối cùng cờ VNCH phát phới trên thị xã Quảng Trị ngày 15 tháng 9 năm 1972.

Sau Hiệp Định Paris, đơn vị tổng trừ bị của QLVNCH lần lần biến mất để trở thành đơn vị diện địa cho Quân Đoàn I, phân tán mỏng đóng chốt đối diện ngày đêm với địch. Vì thế đơn vị không còn khả năng lưu động. Quân nhân bổ sung từ năm 1973 chỉ biết địa hình quanh quẩn các vị trí chốt có sẵn trên bản đồ hai tỉnh địa đầu giới tuyến.

Tháng 3 năm 1975, lệnh triệt thoái bỏ Cao Nguyên thuộc Quân Khu II, ngày 25 tháng 3 bỏ hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên thuộc Vùng I chiến thuật, các đơn vị đang bảo vệ vùng đất này nay phút chốc bị bỏ rơi trở thành thân cá chậu chim lồng oan ức.

Qua mấy lần chuyển trại từ Tà Con về Cồn Thiên, tháng 8 năm đó tù nhân các trại tự lực cất xong những căn nhà (“lán”) ngăn nắp. Từ đó mỗi sáng Chủ Nhật thân nhân được phép địa phương đến thăm, tay xách nách mang thực phẩm, thuốc men để giúp người tù còn tồn tại.

Trong lúc anh em đang ngóng chờ gặp thân nhân thì Thảo ung dung quên hết chuyện đời tập trung vào ván cờ tướng, các thế trong “Tượng Kỳ Bí Quyết” được áp dụng, Pháo Đầu Mã Đội dũng mãnh, hay Bình Phong Mã phòng thủ để tấn công. Cứ mỗi lần Thảo tấn Chốt sang sông là cỡi lòng xồn xang, hình dung thân phận của đơn vị ngoài trận tuyến. Người chơi cờ mưu lược (tướng giỏi), liên hoàn thế trận, chốt qua sông vây hãm khiến tướng địch hoảng loạn (như trong các thế cờ

tàn). Ngược lại chủ soái bắt tài đem chột thí, không xử dụng đúng khả năng Mã, Pháo, Xe nên dù binh hùng mạnh cũng phải tan rã.

Anh Hồ Liệu (Tiểu Đoàn Trưởng TĐ119 Địa Phương Quân Quảng Trị) vừa gặp thân nhân ở khu vực thăm viếng trở về, bắt thân gặp Thảo, anh vui vẻ bảo:

- Này! Có người lên thăm anh ngoài nó.

Anh Liệu nheo mắt nói tiếp:

- O ni có mái tóc thề, trông khéo lắm.

Thảo hiểu anh Liệu không bao giờ nói trạng, tuy ngạc nhiên nhưng vẫn bình tĩnh:

- Tội quá ông anh, trêu tui làm chi rứa!

Anh Liệu bước đi, tiếng trả lời vọng lại:

- Đợi chút xí rồi biết.

Thảo đang phân vân suy nghĩ thì nhận thông báo có thân nhân ở nhà thăm viếng. Thảo có cô em gái út, tóc dài xõa phủ bờ vai, học trường Trưng Vương. Nhưng Thảo chắc chắn không phải rồi, vì khi ở Tà Con, anh từ chối nhắn tin cho gia đình qua đài phát thanh CS. Thảo sực nhớ tại sao không hỏi anh Liệu về cô gái mà anh đề cập là người ở miền nào?

Thảo ngưng suy đoán, anh ghé vào nhà trực ban của trại và đọc tên người đến thăm mình: Nguyễn Thị Sầu Đông.

Một cái tên xa lạ, Thảo chưa từng quen biết, thôi đừng suy nghĩ viễn vông, để lòng thanh thản với niềm vui vừa chớm nở bước ra cổng trại. Thảo đi chậm rãi, anh muốn được kéo dài cái cảm giác băng khuâng sung sướng, một niềm hạnh phúc mông lung con con trong trạng thái ảo tưởng về cô gái tóc thề liêu trai, sợ khi đối diện với thực tế mình là người tù, chưa hình dung ngày mai sẽ ra sao, sẽ khó tìm lại được cảm giác này.

Thân nhân và người tù tìm vị trí thích hợp để tâm tình bên

ngoài nhà thăm viếng. Thảo nhìn cử chỉ thương mến dạt dào của người vợ gặp lại chồng, sau những chuỗi ngày vô vọng tìm kiếm trên khắp chiến trường, dọc theo bờ biển Thuận An, Phú Thứ mà họ tưởng là vùi dập đầu đó. Người chồng gương mặt sừng sờ, ánh mắt không che dấu được niềm xúc động vô biên trước sắc diện kém tươi của người bạn đời, đôi vai gầy đang run run thổn thức kể lại ngày đau thương đó. Vắng chồng nên nàng phải gánh vác hết mọi trách nhiệm, đôi phó bao khắc nghiệt đang đổ ập xuống. Một bức tranh toàn cảnh thật đẹp, người phụ nữ thay chồng tiếp tục chiến đấu trực tiếp với bọn Cộng Sản cho sự sống còn của cả gia đình.

Thảo loay hoay tìm bóng dáng người con gái mái tóc thề, có lẽ nàng trong nhóm người đang lóng ngóng nhìn theo các con đường dẫn vào đây. Chợt nghe tiếng gọi:

- Anh Thảo.

Thảo nhanh nhẹn bước tới. Hai ông bạn đồng đội rần ri Chánh (TĐ3) và Diệp (TĐ5) đang giơ tay vẫy chào. Thảo chợt thấy hai cô gái:

- Chào Vy, chào Hiệp.

Hiệp nở nụ cười thật tươi, Thảo thoáng hiểu mọi việc.

- Vậy mà anh đi tìm cô gái liêu trai Nguyễn Thị Sầu Đông.

.....

Vào Tiết Hạ Chí, gió Nam Lào nóng rát. Con ho vẫn còn dai dẳng chưa dứt, Thảo được Y Sĩ Trưởng Tiểu Đoàn cấp giấy giới thiệu chụp hình phổi ở Bệnh Viện Nguyễn Tri Phương. Trước khi trở ra Quảng Trị, anh ghé chợ Đông Ba và cuối cùng tìm mua được hai xấp vải như ý muốn. Là khách hàng, anh được cô gái tiếp đãi rất niềm nở. O giải thích từng loại vải, tùy thuộc vào mục đích mình muốn may, mỗi cây vải tuy cùng loại hoặc cùng màu nhưng khổ vải lại khác nhau. Sau khi nghe Thảo trình bày, O tính toán nhanh chóng bao nhiêu thước cần phải có, nam giới không rành rỏi về việc này, nên Thảo phó

thác mọi việc cho cô gái. Sau khi nhận hàng, Thảo cảm ơn cô gái với phong cách của người miền Nam:

- Cảm ơn em gái. Xin phép được biết tên em, để khi khác có dịp anh sẽ nhờ em giúp dùm.

- Dạ! Em tên là Hiệp.

Sau khi Thảo trao xấp vải cho người thợ may ở xóm làng hội cư Nại Cửu, thì anh thợ may khen ai lựa mình vải rất tốt, và người bán đã tính xác xuất chi ly nên vải thừa không

có là bao nhiêu.



Trong thời gian này, có lớp học bổ túc cấp đại đội tại Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn TQLC ở Mỹ Chánh, Thảo và Trung Úy Chánh được tiểu đoàn đề cử đi học lớp sau cùng. Đây là lúc tâm trí thoải mái, nên cuối tuần Thảo vô Huế vui chơi, để khỏi nuối tiếc khi xong lớp học trở về đơn vị. Đã định hướng trước Thảo trở lại gian hàng vải, cô gái đang kết toán sổ sách niềm nở trả lời:

- Dạ, chị Hiệp một chút nữa sẽ tới.

Đường Trần Hưng Đạo xe cộ qua lại dập diu, nhà sách Văn Minh đủ thể loại sách báo, sinh ngữ Anh Pháp Việt, cho mọi trình độ trong xã hội. Người con gái mái tóc thề bước chậm rãi đi vào gian hàng vải.

- Chào Hiệp

Cô gái khẽ gật đầu chào với nụ cười nở trên môi:

- Chào anh Thảo, em có thể giúp chi cho anh đây?

- Hôm nay anh vô Huế chỉ ghé thăm và cảm ơn Hiệp.

- Ý anh muốn chi rứa?

- Đúng ra là như thế này.

Thảo kể chuyện về anh thợ may làng Nại Cửu, về đồng phục thực hiện cho toán bóng tròn và bóng chuyền của đại đội

được anh em yêu thích.

Từ buổi ban đầu đó, nảy sinh mối thâm tình trai tiền tuyến, em gái hậu phương.

Thảo hồi tưởng tháng ngày qua:

- Anh theo đơn vị hành quân khắp các vùng chiến thuật, năm 1970 ra Quảng Trị và khi đến Cố Đô Huế phong cảnh hữu tình, áo trắng học trò, chiếc nón bài thơ, anh mới hiểu câu ca dao ngày trước:

*“Học trò trong Quảng ra thi,
Thấy cô gái Huế chân đi không đành.”*

Hiệp nhìn về cầu Trường Tiền, giọng êm nhẹ:

- Trường em bên tê bờ sông Hương, em lớn lên vùng Hồ Tịnh Tâm trong Thành Nội. Em nhớ mãi không bao giờ quên là Tết Mậu Thân chìm trong khói lửa và ẩn hiện màu áo rằn ri của các anh.

.....

- Anh Thảo tụi em ghé chợ Đông Hà tìm mua bánh ướt thịt phay cho các anh đó, anh còn nhớ các quán cơm ở Đập Đá không?

- Đây là tôm chua, các anh rán ăn cho nhiều để có sức khỏe.

Bỗng dung đôi mắt hai cô chớp đỏ, ẩn sau màn sương mỏng long lanh. Trong hoàn cảnh hiện tại, ba người chúng tôi hiểu trọn vẹn tình cảm của Vy và Hiệp là mong chúng tôi cố gắng giữ sức khỏe để mà sống. Một thời gian ngắn ngủi mà hình hài chúng tôi thay đổi quá nhanh, biết có chịu đựng nổi thời khí, bệnh tật và con đói dày vò thân xác hay không.

- À Hiệp, em có người anh Hải Quân, chắc em rời Huế sớm phải không?

- Anh của em phục vụ trong Nam có nhắn tin về gia đình. Thật ra mọi người thấy đơn vị TQLC và Nhảy Dù còn ở Quảng Trị, Huế nên ai nấy an tâm, sinh hoạt vẫn bình thường.

Không ngờ Nhảy Dù rút đi, rồi bộ chỉ huy TQLC chuyển vô Đà Nẵng, người dân hoảng sợ, gánh gồng vật dụng, bỏ nhà cửa chạy theo.

Hiệp kể lại cuộc hành trình cam go từ Huế vào Đà Nẵng, rồi từ đó xuôi Nam. Mọi người chen chúc, tranh giành nhau lên tàu tìm con đường sống cho cá nhân mình, không ai màng đến người chung quanh. Hiệp bị họ ép gãy cánh tay bên trái, đau đớn trên suốt cuộc hải hành, rồi kế tiếp niềm đau chung khi miền Nam bị cưỡng chiếm.

Nét u buồn vẫn còn trên gương mặt, bỗng dung Hiệp nhìn Thảo trách móc:

- Các anh là lính TQLC. *Răng để mắt Huế của em?*

Thảo im lặng, tránh ánh mắt người con gái, anh nhìn cánh tay trái của Hiệp mới được cắt băng vào tuần trước, mà hôm nay vượt đường xa đến đây.

Tiếng hàn huyền của mấy bà vợ đang chờ đợi chồng, kể cho nhau về đoạn đường từ Huế ra Đông Hà, rồi tìm mượn xe thò (Honda ôm) theo Quốc Lộ 9 đến Cam Lộ. Đoạn đường đất đến Còn Thiên nhập nhò thật vất vả, có chị than van:

- Gian nan này chỉ vì thăm chồng. Nếu là cha của mình, chắc tui phải đành mang tội bất hiếu mà thôi.

Vy chia cho chúng tôi những viên kẹo có bọc rượu Vodka, Cognac ở chính giữa, khi kẹo tan dần sẽ thưởng thức được hương vị của rượu bay thoát ra từ hai cánh mũi. Hiệp khẽ mỉm cười:

- Cho các anh hưởng loại kẹo này lần cuối cùng nghe, vì sẽ không còn nữa mô.

Bóng cảnh vật dần dần ngả dài về hướng Đông, Vy và Hiệp phải kiếu từ, hẹn một lần khác đến thăm. Nhìn theo hai chiếc xe thò cho đến khi khuất hẳn sau con dốc, chúng tôi bắt tay từ giã, chúc sức khỏe và theo ba hướng khác nhau trở về trại.

Cuộc sống trong trại tù chậm chạp trôi qua, giờ đây mỗi khi

màn đêm buông xuống, lúc bao tử còn cào cào dữ dội, một muỗng bột Bích Chi mà Thảo nhai và nuốt từ từ để có cảm giác như thấy được nó trôi lặn theo thực quản. Hôm nào về lán với thân xác rã rời, bỏ chút đường bánh (hình cái chén phải đập bể từng miếng nhỏ) vào miệng, chất ngọt tan biến ra từng thớ thịt. Mỗi lúc trở trời một giọt dầu trầm giữ ấm toàn thân.

Anh em cất thực phẩm được gia đình tiếp tế trên giàn cao. Kể từ lúc đó hàng đêm nghe tiếng chuột đuổi nhau chạy nên Thảo nảy ý định đóng chiếc hộp nhỏ để bắt chúng. Những ngày hành quân ở Vùng 4 Chiến Thuật, sau mùa gặt lúa anh em trong đơn vị thường ra đồng dặm cù để bắt chuột. Họ xào thịt chuột với bắp chuối, một xị rượu đế quả thật tuyệt hảo. Hầu hết mọi người sống trong thành phố đều có ấn tượng xấu về con chuột vì chúng chui rúc trong cống rãnh. Nhưng chuột sống ở rừng, đồng ruộng ăn thức ăn thiên nhiên, nên thịt của chúng là chất đạm dinh dưỡng tốt cho sức khỏe.

Sau khi vài chú chuột trong nhà bị vương bẫy, Thảo đem đặt bên kia bờ suối đối diện với nhà bếp. Miếng mồi để trong hộp chỉ là mảnh sắn (khoai mì) nướng. Mỗi lần lội qua suối, Thảo bắt gặp nụ cười của anh An, đội trưởng và Chánh, bạn cùng khóa thuộc đội nấu ăn. Chiều ra suối tắm cũng là dịp ghé thăm bẫy, hầu hết mồi bị kiến cùng các loài côn trùng ăn lán mòn, tuy nhiên có hôm được con sóc, sau khi cạo lông sạch sẽ, trông nó chẳng khác chi một con chuột. Dọc theo bờ suối, những cây to gãy đổ còn trơ lại gốc, tất cả đều chìm trong nước. Thảo nhặt dưới lòng suối một khúc gỗ nhỏ dài khoảng nửa thước, anh Nguyễn Đôn, đội trưởng cho biết đây là ròn của cây “Ngán”, một danh mộc rất tốt.

Từ lúc gặp Sầu Đông, buổi thăm viếng ân tình làm vấn vương tâm hồn Thảo. Anh suy nghĩ mông lung, cảm giác nhẹ nhàng tựa như làn khói chiều luồn lách khói nhà bếp, tỏa rộng và biến mất trong không gian. Thảo cũng ước muốn cho tâm tình này được trở thành sương khói. Ý tưởng chợt thoáng qua, một bài thơ, bức tranh vẽ, hay hình ảnh. Khúc gỗ Ngán hình

dạng kỳ lạ màu hồng nghệ đã giúp Thảo có quyết định. Dụng cụ để khắc là con dao nhỏ khui thịt hộp ở nhà bếp, cưa và đục của đội mộc mà Thảo đang phục vụ. Tất cả đã có đầy đủ, nhưng còn đề tài thì như thế nào? Thảo nhớ câu nói hôm nào của Vy và Hiệp:

- Các anh rán ăn cho nhiều để có sức khỏe.

Phải chăng cả hai Vy và Hiệp muốn nói là sự “Sống”.

Thảo hồi tưởng tâm trạng chán nản, tức giận pha lẫn niềm chua xót. Tại sao các đơn vị không cùng ở lại chiến đấu đến giọt máu cuối cùng? Tại sao rút bỏ khi chưa thực sự đối đầu với lực lượng địch? Tại sao những phương tiện yểm trợ hữu hiệu của Không Quân và Hải Quân thì biệt tăm? Tại sao chỉ còn những người lính Lục Quân chúng tôi, lúc xung trận luôn luôn ở tuyến đầu, lúc lui binh ở đoạn hậu là tằm chẵn trì hoãn? Suy nghĩ đó đeo đẳng Thảo suốt tuần lễ, cuối cùng anh tìm ra lối thoát.

Bố cục là âm và dương, buồn với vui, khổ đau và hạnh phúc, dĩ vãng với tương lai.

Trong lúc mọi người ngóng đợi gọi tên mình ra nhà thăm viếng, Thảo cặm cưa, đục và gọt với con dao nhỏ. Một khúc gỗ vô tri sau hai tuần đã thành bức tượng cao hơn hai tấc. Tuy kỹ thuật còn non kém, nhưng Thảo sung sướng vì nó tiềm ẩn một sức sống, gói ghém được hết tâm tư của mình.

Thế cờ đang hồi gay cấn, Thảo bỏ Pháo, dùng Mã làm tuyến cản, tấn Chốt và Xe ủi thẳng vào bộ chỉ huy địch chuẩn bị chiếu Tướng. Bỗng có tiếng gọi tên Thảo ra ngoài nhà thăm viếng gặp thân nhân. Thảo trở về lán, bàn tay trái cảm bức tượng, bàn tay phải vuốt lại mái tóc cho xuôi nếp, anh nhìn vết sẹo vẫn còn ửng đỏ bên dưới ngón tay do con dao khắc gây ra, mắt trông lên bầu trời thoáng vọng trong không gian:

“*Răng Để Mát Hué Của Em?*”

CHIẾN TRANH VIỆT NAM

KINH NGHIỆM XƯƠNG MÁU CHO CÁC THẾ HỆ MAI SAU

Nguyễn Văn Nam, K20

Chiến tranh Việt Nam đã kết thúc gần nửa thế kỷ, nhưng niềm đau mất nước của một dân tộc nhược tiểu đã đi vào lịch sử. Chúng ta đã bị các đại cường bức tử và mất đi một cơ hội để trở thành một quốc gia hùng mạnh tại vùng Đông Nam Á. Không những chúng ta đã bị đồng minh quay mặt, mà chúng ta còn bị vu khống, bôi nhọ, kể cả Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Mục đích của họ chỉ để che lấp hành vi phản bội của chính phủ Hoa Kỳ, vốn trước đây đã yểm trợ cho VNCH.

Hai nhận xét của hai cấp lãnh đạo Hoa Kỳ, mà hành động của họ đã có ảnh hưởng rất lớn đối với chiến tranh VN, sẽ cho chúng ta thấy rõ được vấn đề:

* Thống Tướng Westmoreland, cựu Tư Lệnh Quân Đội Hoa Kỳ tại Việt Nam, đã phát biểu rằng:

- “QLVNCH đã chiến đấu đơn độc trong điều kiện eo hẹp không tiếp tế, kéo dài đến ngày 30/4/1975. Một việc mà không một quân đội nào trên thế giới có thể làm tốt hơn, kể cả quân đội Hoa Kỳ.”

* Tiến Sĩ Henry Kissinger, Bộ Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ, thủ phạm chính trong việc sắp xếp kế hoạch bỏ rơi đồng minh

VNCH, quá sót ruột không thể kiên nhẫn đợi chờ VNCH bị sụp đổ, không dần được đã thốt lên một câu thật vô cùng đáng tiếc:

- “Tại sao đến giờ này mà họ không chịu chết phứt đi cho rồi?!”

Hai câu nói có hai nhận định khác nhau của một tướng lĩnh quân đội Mỹ, đại diện cho quân đội Hòa Kỳ đã từng tham chiến tại Việt Nam; và của một chính trị gia Hoa Kỳ, có khuynh hướng bán đứng Việt Nam, hoàn toàn đối nghịch nhau.



Đại Úy Nguyễn Văn Nam, Khóa 20, chiến sĩ xuất sắc của Tiểu Đoàn 30 BĐQ, 1971 (từ trái).

Một có ý khen tặng sức chiến đấu bền bỉ, can trường của Quân Lực VNCH, trong khi nhận định thứ hai có tính cách mỉa mai cay đắng vì sự kiện xảy ra đã không đúng theo ý định bán đứng VNCH cho thế lực Trung Cộng. Điều này cũng lại chứng tỏ cho chúng ta thấy rằng QLVNCH đã phải chiến đấu đơn độc, thiếu tiếp viện vũ khí và đạn dược, và hoàn cảnh rất khó khăn, nhưng vẫn cố gắng tồn tại, bộc lộ được khả năng và tinh thần chiến đấu oai hùng của QLVNCH

Vào năm 1960 QLVNCH thật sự chưa đủ khả năng để chống trả trước cuộc xâm lăng của giặc Cộng, đúng như Mỹ đã đánh giá. Trận Ấp Bắc vào năm 1960 là một thí dụ điển hình. Đó chỉ

là một trận đánh cấp tiêu đoàn đầu tiên mở màn cuộc xâm lăng Miền Nam của giặc Cộng, cũng đã gây khó khăn và lúng túng cho QL/ VNCH. Mãi đến năm 1965, các đơn vị của quân đội của VNCH vẫn còn sử dụng máy truyền tin PRC6, PRC10 để liên lạc, đại liên 30, trung liên BAR, súng trường Garant M1, Carbine, súng phóng lựu... Trong khi đó VC đã có AK47, B40 đủ sức mạnh để chống thiết giáp.

Mặc dù được trang bị yếu kém, đến Tết Mậu Thân thì tình thế đã thay đổi hẳn. Khi VC giờ trò đánh lên trong lúc QL/ VNCH chỉ còn chưa tới một nửa quân số tại đơn vị, QLVNCH cũng thừa khả năng để chống trả và phản công đánh cho giặc một trận địch đáng. Đến nỗi phải đến mãi 4 năm sau chúng mới ngóc đầu dậy nổi.

Mùa Hè 1972, bọn VC lại ngang nhiên xé bỏ hiệp định Genève, xua quân tràn qua Bến Hải, bắt thần đốc toàn lực tấn công ào ạt VNCH. QLVNCH chẳng những chận đứng mà còn phản công đánh cho bọn chúng một trận toi bời tại mặt trận phía Tây Nam Đông Hà, giữ vững Kontum và An Lộc chứng tỏ khả năng vượt trội hơn hẳn giặc Cộng.

Với thế chiến lược be bờ mà không muốn trực tiếp đối đầu với Nga Sô và nhất là với Trung Cộng, Mỹ đã bị sa lầy bởi phong trào phản chiến trong nước vì đã kéo dài cuộc chiến. Cuối cùng vì quyền lợi riêng, họ đã bỏ rơi đồng minh VNCH, hay nói chính xác hơn là phản bội.

Để buộc VNCH phải ký kết hiệp định đình chiến cho họ rút quân khỏi VN, Mỹ đã làm tiêu hao lực lượng của VNCH tại hai mặt trận Hạ Lào và Quảng Trị. Tại Hạ Lào họ đã không yểm trợ hỏa lực và tiếp vận đúng mức, khiến các đơn vị quân đội thuộc Quân Đoàn I bị tổn thất nặng, khó hồi phục. Tại mặt trận Quảng Trị, thay vì phản công kịp thời, Mỹ đã kéo dài, trì hoãn để VC đủ thời gian tái tổ chức chờ viện binh, rồi bất chợt rút bỏ Quảng Trị không có kế hoạch. Mặc dầu vậy QLVNCH cũng chứng tỏ được khả năng của mình trong tình cảnh bất lợi

này, đã vượt qua tuyến phục kích Trường Phước (Đại lộ kinh hoàng) với tổn thất nhẹ nhất. Sau đó lấy lý do phải chủ động trên chiến trường để tạo ưu thế tại bàn hội nghị nên vẽ ra kế hoạch tái chiếm Quảng Trị, gây thiệt hại thêm cho QLVNCH và chôn chôn lực lượng tổng trừ bị trước khi ký kết hiệp định Paris.

Trước áp lực của Mỹ, Tổng Thống VNCH buộc phải đặt bút ký vào bản Hiệp Định Paris dù biết rằng hoàn toàn bất lợi cho mình.

Điều đó không có nghĩa quân đội VNCH sẽ tan rã ngay dù vẫn phải chiến đấu trong điều kiện hoàn toàn bất lợi, thiếu thốn về nhân lực, vũ khí và đạn dược. Phải đợi đến 2 năm sau, khi biết chắc rằng Hoa Kỳ đã quyết định bỏ rơi Việt Nam, CS Bắc Việt mới dám quyết định xua toàn lực lượng để thôn tính và nuốt trọn miền Nam vào ngày 30.4.75.

Phần cuối:

Chiến tranh Việt Nam đã kết thúc gần nửa thế kỷ, mọi ân oán lần lượt đã phai mờ rõ ràng. Chính phủ Hoa Kỳ vẫn còn mang một món nợ tinh thần đối với dân tộc Việt Nam:

- Trả lại danh dự cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, thay vì tìm đủ mọi cách để bôi lọ hầu che lấp cho thái độ bỏ rơi đồng minh của mình.

- Tạo mọi thuận lợi cho dân tộc có cơ hội để vươn lên.

Các thế hệ con cháu Việt Nam luôn ghi nhớ bài học xương máu của Việt Nam Cộng Hoà. Tổ Quốc mình phải do chính mình quyết định, chỉ nương vào thời thế mà ứng xử, lệ thuộc là mất nước.

Nguyện xin ơn trên, hồn thiêng sông núi và vong linh các anh hùng vị quốc vong thân phù hộ chúng ta.

Vài nét về

Thư Viện của TVBQGVN (1970 - 1975)

Võ Công Tiên, K26

Nằm tại 11° 57' 40" vĩ độ Bắc và 108° 28' 30" kinh độ Đông, Thư Viện của TVBQGVN đã từng là nơi mà các binh thư, tài liệu, sách báo, được phơi bày như một vườn hoa hoang dã. Khó mà thương thức và tiếp nhận hết những gì chất chứa trong từng trang giấy, mảnh phim mà Trường Võ Bị, đặc biệt là Khối Văn Hóa Vụ, đã mang đến cho SVSQ những phương tiện học hỏi, nâng cao kiến thức hiện đại qua kho tàng văn hóa của nhân loại.

Với 81,000 quyển sách, gần 100 tờ báo và khoảng 1,500 cuộn vi phim (microfilm) là tài sản chính của thư viện, trong đó 80% bằng Anh Ngữ. Thư Viện là trái tim của Trường Võ Bị, được xây dựng với 3 tầng lầu, bên ngoài là một sân thượng lớn trên tầng hầm (câu lạc bộ, bệnh xá, và các phòng dịch vụ). Từ những phòng nhỏ có trang bị các máy điện toán (computer sơ khai vào thập niên 70), người đọc sách có thể nhìn bao quát cả khu vực Chi Lăng - Thái Phiên, xa hơn là Thị Xã Đà Lạt tới Dassar, và Đỉnh Lang Biang (2,167 m) quen thuộc.

Từ tháng 3 năm 1970, các Khóa 23, 24, 25, và 26 đã được hưởng những ưu điểm của chương trình văn hóa 4 năm. Trường Võ Bị vừa hoàn tất các cơ sở mới gồm Nhà Thí Nghiệm Đào

Thiện Yết (mang tên một sĩ quan hy sinh tại trường vào tháng 4/70) và Thư Viện Võ Bị. Trong khi các phòng thí nghiệm điện khí, động cơ nổ, khí động lực, thủy động lực, sức chịu vật liệu, thố cơ nhựa đường, điện toán, vũ khí tác xạ, vật lý, điện tử, hóa học, thính thị Anh ngữ cung ứng cho việc thực tập các đề tài khoa học kỹ thuật, thì Thư Viện Võ Bị là môi trường tự do dành riêng cho từng SVSQ học hành, sưu khảo.



SVSQ Võ Công Tiên, năm thứ hai, 1971.

Phân loại theo hệ thống Dewey, hầu hết sách báo Việt ngữ trình độ trung cấp trở lên được trưng bày, đầy đủ toàn bộ như bán nguyệt san Bách Khoa, Tập San Quốc Phòng. Về Anh ngữ, phần lớn là khoa học tự nhiên, kỹ thuật thực dụng, kinh tế, quản trị và các lãnh vực liên quan đến thế giới. Âm nhạc, kịch nghệ khắp 5 châu cũng được nghe qua băng cassettes. Điều trở trêu là thư viện lại chẳng

lưu trữ đầy đủ các số Đa Hiệu (trên dưới 80 số trải qua hơn một thập niên), và rất ít tài liệu về quân sự, chiến trường.

Để đảm nhận các công tác kiến thiết xứ sở dù trong thời chiến lẫn thời bình, Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà cần nhiều cán bộ, quân nhân mẫn cán và tài ba. Thí dụ việc thăng thưởng, bước qua cấp chuẩn tướng thì đòi hỏi sĩ quan phải có trình độ văn hoá tốt nghiệp đại học (văn bằng cử nhân). Điều kiện đó thúc đẩy nhiều quân nhân các cấp ngoài chiến trường ngày đêm trau dồi thêm kiến thức. Các căn cứ, đồn bót, khởi sắc với những lớp giảng dạy, tự học dưới tiếng đạn pháo kích hay bên ánh đèn cầy.

Người quân nhân nổi trôi theo từng lệnh hành quân, thay đổi doanh trại, kéo theo việc học hành của con cái kể cả những

sinh hoạt thuở hoa niên. Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị đã khuyến khích các đơn vị mở phòng đọc sách, câu lạc bộ, đặc biệt là thành lập và quản trị hàng chục trường sở khắp các quân khu. Trường Văn Hóa Quân Đội, 17 Đại Lộ Thống Nhất Sài Gòn, nổi tiếng là một trường trung học kỹ luật và tươi vui.



Các SVSQ đang chọn sách trong thư viện.

Thời khóa biểu dành cho SVSQ tại Trường Võ Bị chỉ cho phép họ đọc lướt nhanh, hơn là tra cứu khi vào thư viện. Đây chính là giờ học tập cá nhân mà không bị ràng buộc vào việc kiểm soát của Trung Đoàn SVSQ như 2 giờ tự học mỗi đêm tại phòng (6 ngày mỗi tuần trong suốt mùa văn hóa). Thư Viện cũng là nơi mà các giáo sư cùng quân nhân các cấp của Trường đến tham khảo, hội luận. Trung tâm điểm của khu văn hóa, doanh trại SVSQ, bến xe Lê Lợi, thư viện thường tiếp đón quan khách một khi đã đến viếng thăm Đồi 1515.

Hẳn nhiên Thư Viện Võ Bị không thể thiếu các binh thư; từ binh pháp Tôn Tử, Trần Hưng Đạo, đến các sách loại “phổ biến hạn chế” của Bộ Tổng Tham Mưu, hoặc các tài liệu quân sự bằng tiếng Anh có mã số FM (Field Manual). Người đọc có thể nghiền ngẫm “Vấn Đề Chi Đạo Chiến Lược Trong Chiến Tranh Việt Nam” của Đại Tá Đỗ Ngọc Nhận, hoặc thưởng thức những hình ảnh rạng ngời trong các trang

sách màu với những chiến đấu cơ uy dũng dưới trời xanh.

Bước chân vào các quân trường như TVBQGVN, Trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị, SVSQ quả thực có cơ hội học tập, tôi luyện trong một khung cảnh tươm tất. Bao chồng mũ beret sắp gọn gàng khi vào cửa, lời chào của một sinh viên được khoa mang tên Phương Hiền chẳng hạn, hay mảnh giấy nhỏ nào đó của các sinh viên học sinh gửi kèm qua các sách mượn, giờ có còn lưu dấu gì không? (*)

Có thể sẽ không nhớ Trung Úy Đinh Phúc Vãn, Quản Thủ Thư Viện, với vóc dáng nặng nề văn hơn võ. Nhưng hình ảnh của các nhân viên thư viện thì đặc biệt có hai trường hợp: thứ nhất là một anh Hạ Sĩ Thư Ký, ngoài công tác kiểm soát sách báo khi nào rảnh là chú tâm tự học toán lý hóa, và đã được nhiều SVSQ chỉ vẽ; thứ hai là một nhân viên trẻ mang tên Cô Mùi.

Thư viện thuộc TVBQGVN không phổ thông như thư viện của Thị Xã Đà Lạt, sâu rộng như tại Viện Đại Học Đà Lạt, cũng không nặng phần nghiên cứu như ở Giáo Hoàng Học Viện. Nó có một mục đích rõ rệt là đáp ứng nhu cầu tìm hiểu các tương quan trong cộng đồng quốc tế, kết hợp với việc phát triển của các nền văn minh kim cổ theo chiều hướng **“Phát huy khả năng toàn diện và trau dồi kiến thức hiện đại là nhiệm vụ chính của người SVSQ trong thời gian thụ huấn”**.

Ghi chú:

** Phần lớn quý vị giảng viên của Trường Võ Bị cũng là giáo sư tại các trường trung học hoặc Viện Đại Học Đà Lạt. Cô Trần Phương Thu, Hiệu Trưởng Trường Trung Học Bùi Thị Xuân dạy Anh văn tại Trường Võ Bị. Vì thế các sách mượn được luân lưu ngoài phổ. Sách có tựa đề Đà Lạt Văn Hóa xuất bản 1973 ca ngợi sự đóng góp của Thư Viện Võ Bị vào mô hình phát triển văn hóa giáo dục tại vùng cao nguyên Lâm Viên.*